

Bản án số: **104/2024/HNGĐ-ST**.

Ngày: 09/7/2024.

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT – TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Phúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông: Nguyễn Văn Dũng

2. Ông: Nguyễn Tấn Lập

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Quốc Tùng - Thư ký TAND huyện Hòn Đất.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tham gia phiên tòa: Không

Trong ngày 09 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 179/2024/TLST - HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2024 về việc “*Tranh chấp ly hôn*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2024/QĐXXST -HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

1/ *Nguyên đơn:* Bà Lý Thị Đ, sinh năm 1968 (có mặt)

Nơi cư trú: ấp M, xã M, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

2/ *Bị đơn:* Ông Trần Văn T, sinh năm 1962 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp M, xã M, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 06/4/2024, bản tự khai nguyên đơn bà Lý Thị Đ trình bày như sau:

Về hôn nhân : Năm 1986 bà Lý Thị Đ và ông Trần Văn T tự tìm hiểu yêu thương nhau, sống chung với nhau như vợ chồng từ đó cho đến nay mà không đăng ký kết hôn. Cuộc sống hôn nhân vợ chồng hạnh phúc và sinh được 04 người con chung. Đến năm 2017 bà Lý Thị Đ đi xuất khẩu lao động tại nước Hàn Quốc đến năm 2022 trở về Việt Nam thì phát sinh mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng , nguyên do là ông Trần Văn T ăn chay trường, thường lên núi tự tu một mình và thường xuyên không có ở nhà nên kể từ đó bà Lý Thị Đ và ông Trần Văn T bắt đầu sống ly thân, kể từ khi ly

thân cuộc sống của ai người đó tự lo không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa. Nhận thấy cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Lý Thị Đ yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Trần Văn T.

Về con chung: Bà Lý Thị Đ trình bày bà và ông Trần Văn T có 04 người con chung con chung gồm: Trần Thị Ph, sinh ngày 09/6/1987; Trần Văn T, sinh năm 1990; Trần Thị Q, sinh năm 1991; Trần Văn D, sinh năm 1993. Hiện các con đã đủ tuổi trưởng thành, có gia đình riêng tự lo được cho bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Lý Thị Đ trình bày bà và ông Trần Văn T không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Lý Thị Đ trình bày bà và ông Trần Văn T không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quá trình tố tụng Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng gồm Thông báo thụ lý vụ án số 179/2024/TB-TLVA, ngày 02/5/2024; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải số 251/2024/TB-TA, ngày 10/5/2024; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải số 28/TB-TA, ngày 27/5/2024 cho ông Trần Văn T hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng ông Trần Văn T không nộp bản khai trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như không đến Tòa án làm việc nên không có lời khai.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Nguyên đơn bà Lý Thị Đ yêu cầu được ly hôn với bị đơn ông Trần Văn T, bị đơn có nơi cư trú tại huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Xét thấy đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Ông Trần Văn T đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3] *Về nội dung vụ án:*

[3.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Vào năm năm 1986, bà Lý Thị Đ và ông Trần Văn T tự tìm hiểu yêu thương nhau, tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03/01/1987, được chứng minh bằng giấy khai sinh thể hiện việc con đầu lòng của bà Lý Thị Đ và ông Trần Văn T là chị Trần Thị Ph, sinh ngày 09/6/1987, nên căn cứ theo quy định tại khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội thì đây là hôn nhân thực tế được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống, ông bà sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn và ông bà sống ly thân cho đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau. Nay bà Lý Thị Đ yêu cầu được ly hôn với ông Trần Văn T. Nhận thấy, Quá trình tố tụng Tòa án đã tiến hành tổ chức hòa giải để hai bên đoàn tụ nhưng ông Trần Văn T không đến tham gia hòa giải, bà Lý Thị Đ cương quyết ly hôn, như vậy hôn nhân giữa bà Lý Thị Đ và ông Trần Văn T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung của ông bà không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lý Thị Đ là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] *Về quan hệ con chung*: Bà Lý Thị Đ và ông Trần Văn T đều trình bày có 04 người con chung là Trần Thị Ph, sinh ngày 09/6/1987; Trần Văn T, sinh năm 1990; Trần Thị Q, sinh năm 1991 và Trần Văn D, sinh năm 1993. Hiện các con đã đủ tuổi trưởng thành tự lo được cho bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.3] *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà Lý Thị Đ trình bày quá trình hôn nhân bà Lý Thị Đ và ông Trần Văn T không có tài sản chung và nợ chung, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Trường hợp sau này có tranh chấp thì có quyền khởi kiện vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

[3.4] *Về án phí hôn nhân và gia đình*: Bà Lý Thị Đ phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Các Điều 147; 227; 228; 266; 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lý Thị Đ.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Lý Thị Đ được ly hôn với ông Trần Văn T.

2. *Về quan hệ con chung :* Bà Lý Thị Đ và ông Trần Văn T có 04 người con chung là Trần Thị Ph, sinh ngày 09/6/1987, Trần Văn T, sinh năm 1990, Trần Thị Q, sinh năm 1991 và Trần Văn D, sinh năm 1993. Hiện các con đã đủ tuổi trưởng thành tự lo được cho bản thân, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. *Về tài sản chung và nợ chung :* Bà Lý Thị Đ trình bày quá trình hôn nhân không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Trường hợp sau này 02 bên có tranh chấp thì có quyền khởi kiện vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

4. *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:* Bà Lý Thị Đ phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000948 ngày 22/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Như vậy bà Lý Thị Đ đã nộp đủ án phí.

5. Quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn, bị đơn biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS nhân dân huyện Hòn Đất;
- Chi cục THA dân sự huyện Hòn Đất
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hoàng Văn Phúc